

Số: /KH-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Tăng cường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân
Kế hoạch đầu tư công năm 2024

Năm 2023, Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã quan tâm chỉ đạo để thúc đẩy thực hiện kế hoạch đầu tư công¹. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các chủ đầu tư đã nỗ lực thực hiện. Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đồng hành cùng với các đơn vị. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội, kết quả giải ngân năm 2023 đã có nhiều chuyển biến tích cực, giá trị số vốn giải ngân cao nhất từ trước đến nay. Đến hết ngày 15/01/2024, lũy kế giải ngân của toàn Thành phố là 50.690 tỷ đồng, đạt 88,5% kế hoạch Thành phố giao, đạt 108% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm (giá trị giải ngân cao hơn so với giải ngân năm 2022 đến hết 31/01/2023 là 11,9% và cao hơn so với trung bình cả nước đến hết tháng 12 là 81,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số dự án vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc: Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều hạn chế; một số dự án sử dụng vốn ODA vướng mắc do gia hạn hiệp định vay, thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư kéo dài, năng lực một số nhà thầu hạn chế; các dự án thuộc lĩnh vực di tích gặp nhiều khó khăn do nhiều thủ tục đầu tư; số lượng dự án chuyển tiếp hoàn thành chưa cao²; nguồn thu từ đất của một số quận, huyện còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của cấp huyện...; một số đơn vị chưa thực hiện theo đúng cam kết giải ngân đã báo cáo để xây dựng Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023 của UBND Thành phố.

Năm 2024, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công của Thành phố là 81.033 tỷ đồng (gấp 1,72 lần so với đầu năm 2023); trong đó đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 36.100 tỷ đồng (gấp 2,24 lần so với kế hoạch năm 2023 giao đầu năm). Dự báo năm 2024 là năm nhiều thách thức, khó khăn đối với Thành phố về tỷ lệ giải ngân, về huy động nguồn vốn, về những khó khăn, vướng mắc trong nhiều năm qua chuyển sang. Mỗi đơn vị cần phải có giải pháp quyết liệt ngay từ đầu năm để giải ngân được hết kế hoạch vốn được giao. UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tăng cường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2024, yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các chủ đầu tư thực hiện, cụ thể như sau:

¹ UBND Thành phố đã ban hành 03 Kế hoạch: Kế hoạch khắc phục số 66/KH-UBND ngày 02/3/2023, Kế hoạch giải ngân 6 tháng đầu năm số 94/KH-UBND ngày 20/3/2023 và Kế hoạch giải ngân các tháng cuối năm 2023 số 220/KH-UBND ngày 28/8/2023

² Dự kiến hoàn thành 74/219 dự án chuyển tiếp (trong đó bao gồm 45 dự án trụ sở công an xã).

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Khắc phục tồn tại, hạn chế, tăng cường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 ở cấp thành phố và cấp huyện. Trong đó, tập trung vào các dự án, công trình trọng điểm của Thành phố và các dự án được giao kế hoạch vốn năm 2024 lớn³.

2. Hoàn thành 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 kéo dài sang năm 2024. Phấn đấu hoàn thành giải ngân hết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công. Đồng thời đảm bảo tiến độ mục tiêu, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

3. Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp của từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư; phân công rõ trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện.

4. UBND Thành phố yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gấn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án. Phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2024 đạt tối thiểu 95% kế hoạch được giao. Tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm, tạo chuyển biến rõ nét trong việc thực hiện các công trình trọng điểm và các dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn.

- Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện dự án, giải ngân của đơn vị mình theo từng tháng, chi tiết từng dự án, hoàn thành trong tháng 01/2024, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

- Đối với 35 dự án (*gồm 12 công trình trọng điểm và 23 dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn khác chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm*): Các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch triển khai đến từng hạng mục công việc, tập trung thực hiện ngay từ đầu năm. Rà soát tổng thể, báo cáo UBND Thành phố những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị để được chỉ đạo kịp thời, hoàn thành trước ngày 05/02/2024.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tiếp tục tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch giải ngân 9 tháng đầu năm trong tháng 3/2024 (sau kỳ họp chuyên đề của HĐND Thành phố tháng 3/2024).

³ Trong đầu năm 2024, Thành phố bố trí cho 226 dự án cấp Thành phố với kế hoạch vốn là 25.496 tỷ đồng, trong đó, 12 công trình trọng điểm có kế hoạch vốn là 15.869 tỷ đồng, chiếm 62,2% kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố và 23 dự án khác được bố trí kế hoạch vốn lớn (≥ 100 tỷ đồng/dự án) với tổng kế hoạch vốn là 5.488 tỷ đồng, chiếm 21,5% kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố. Tổng 02 nhóm dự án trên chiếm 83,7% kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố.

2. Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư (gồm cả dự án mới và dự án chuyển tiếp) để đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án đối với 179 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư. *(Chi tiết tại Phụ lục 01).*

- Khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án theo quy định đối với 81 dự án hết năm 2023 là hết thời gian thực hiện theo tiến độ dự án phê duyệt nhưng chưa thực hiện việc điều chỉnh thời gian thực hiện. *(Chi tiết tại Phụ lục 02).*

- Đối với các dự án hỗ trợ ngành dọc, đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án Nhân dân Thành phố rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền đẩy nhanh việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư... để đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định.

- Đẩy nhanh thủ tục đầu tư giai đoạn thực hiện của dự án: phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng; khởi công dự án.

- Các sở chuyên ngành được UBND Thành phố phân công thẩm định các dự án phải thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư để sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư, kịp thời báo cáo UBND Thành phố các khó khăn, vướng mắc.

- Sở Quy hoạch và Kiến trúc chủ trì hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các vấn đề về quy hoạch, về chỉ giới đường đỏ, sớm thẩm định và phê duyệt chỉ giới đường đỏ để đẩy nhanh tiến độ phê duyệt các dự án.

- Công an Thành phố chủ trì hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến cấp phép phòng cháy chữa cháy cho các dự án.

- Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn các đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác thanh lý tài sản (nếu có).

- Các huyện, thị xã tập trung, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu chưa được phân bổ kế hoạch vốn từ đầu năm 2024, đảm bảo đủ điều kiện phân bổ tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 3/2024.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phân bổ chi tiết hết phần kế hoạch vốn chưa phân bổ tại kỳ họp HĐND Thành phố đầu năm 2024 đối với các khoản kinh phí đủ điều kiện phân bổ chi tiết *(bao gồm cả các khoản kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và hỗ trợ mục tiêu cấp huyện).*

3. Đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, các dự án chuyển tiếp, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm cốt lõi của năm 2024

Yêu cầu các chủ đầu tư tập trung triển khai các dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt. Trong trường hợp không đảm bảo tiến độ, phải chủ động báo cáo UBND Thành phố từ sớm để có chỉ đạo và điều hành nguồn vốn phù hợp. Các đơn vị chịu trách nhiệm về việc không thực hiện theo tiến độ, dẫn đến dư cân đối nguồn vốn cho dự án trong kế hoạch năm 2024. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để sớm hoàn thành các dự án đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, quyết liệt, năng lực trong triển khai thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công của các chủ đầu tư

- Nhận diện rõ vấn đề, rõ vướng mắc, rõ địa chỉ giải quyết và chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, đề xuất các biện pháp khắc phục đối với các khó khăn vượt thẩm quyền (gồm cả các dự án các quận, huyện, thị xã được giao làm chủ đầu tư các dự án cấp Thành phố).

- Đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công dự án. Quản lý chặt chẽ dự án, tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Rà soát kỹ đối với các dự án có kế hoạch vốn năm 2023 không giải ngân hết (*tính đến ngày 31/01/2024*). Thành phố chỉ xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đối với các dự án theo đúng quy định tại Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công trên cơ sở các đơn vị báo cáo, chứng minh dự án đủ điều kiện kéo dài vốn theo quy định.

- Hoàn thiện thủ tục thanh toán ngay khi có khối lượng thực hiện của dự án và yêu cầu thực hiện việc thanh toán theo thứ tự các nguồn vốn như sau: (1) Vốn 2023 kéo dài (*được cấp có thẩm quyền quyết định*); (2) Vốn xổ số kiến thiết; (3) Vốn ngân sách trung ương (nếu có) trước khi thực hiện thanh toán bằng nguồn vốn khác.

- Đối với các dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu: Yêu cầu các quận, huyện, thị xã cân đối, bố trí đủ kế hoạch phân vốn ngân sách cấp huyện để đối ứng cho các dự án xác định hoàn thành trong năm 2024 và các dự án khác theo tiến độ phê duyệt, không được để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Cập nhật ngay kế hoạch vốn lên hệ thống Tabmis và hệ thống thông tin liên ngành. Hoàn trả ngân sách cấp Thành phố kinh phí ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện trong trường hợp sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết kinh phí đã được hỗ trợ.

5. Chú trọng việc đảm bảo nguồn lực cho kế hoạch đầu tư công

UBND các quận, huyện, thị xã tập trung thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương và ngân sách cấp Thành phố ngay từ đầu năm 2024. Thường xuyên, kịp thời báo cáo tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền.

6. Đẩy nhanh tiến độ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc thanh, quyết toán vốn đầu tư

- Giao Kho bạc Nhà nước Hà Nội

+ Kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn xây dựng cơ bản theo đúng quy định, không để tình trạng tạm ứng kéo dài do chưa có khối

lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng không chi trả, tránh tình trạng các dự án có số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng theo quy định.

+ Hướng dẫn các chủ đầu tư và chịu trách nhiệm việc kiểm soát giải ngân đối với vốn xỏ số kiến thiết Thủ đô năm 2024, vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (*sau khi cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định*), vốn trung ương trong nước (nếu có) trước khi giải ngân các nguồn vốn khác trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kiểm soát chặt chẽ giải ngân đối với vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu, kế hoạch hỗ trợ mục tiêu của Thành phố cho các huyện, thị xã đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí, mức vốn hỗ trợ trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Tổng hợp tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (*bao gồm cả kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài*), trong đó báo cáo rõ tình hình giải ngân từng dự án theo đầu mối đối với từng nguồn vốn: ngân sách cấp Thành phố, ngân sách thành phố hỗ trợ mục tiêu, vốn phân cấp ngân sách cấp huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trước ngày 02 hàng tháng.

- Giao Sở Tài chính: Đẩy nhanh tiến độ thẩm tra, phê duyệt (*hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*) quyết toán các dự án hoàn thành theo quy định. Đồng thời hướng dẫn cơ quan tài chính cấp huyện thực hiện thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án theo thẩm quyền, đảm bảo đúng thời hạn quy định hiện hành.

7. Tiếp tục quan tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, định kỳ thực hiện giao ban xây dựng cơ bản

- Về công tác giải phóng mặt bằng (GPMB): UBND Thành phố thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB. Yêu cầu các đồng chí Chủ tịch UBND các quận, huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB. Các đơn vị tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB đồng thuận và chấp hành tốt chính sách, chủ trương của Nhà nước về công tác GPMB. Giao Sở Tài nguyên Môi trường chủ trì đôn đốc, hướng dẫn các quận, huyện, thị xã trong công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB; tổng hợp, tham mưu giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các đơn vị về công tác GPMB.

- Về biến động giá: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến của thị trường xây dựng, cập nhật, điều chỉnh kịp thời và công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng cho phù hợp mặt bằng giá thị trường;

- Về tài nguyên các mỏ vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, đất đắp...): Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch khai thác, đấu giá các mỏ vật liệu xây dựng đảm bảo sát với thị trường,

góp phần ổn định và đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng cho Thành phố. Chủ động, kịp thời báo cáo, tham mưu UBND Thành phố các giải pháp trong trường hợp thiếu hụt các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố.

- Về công tác tái định cư: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện và các chủ đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong bố trí quỹ nhà tái định cư; Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã và chủ đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bố trí quỹ đất tái định cư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, kết quả giải ngân và khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, báo cáo UBND Thành phố. UBND Thành phố định kỳ hàng quý tổ chức giao ban xây dựng cơ bản tổng thể toàn Thành phố. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố chủ trì tổ chức giao ban xây dựng cơ bản hàng tháng theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, quan tâm chỉ đạo sát sao đối với các công trình trọng điểm, và các dự án có kế hoạch vốn lớn, các dự án chuyển tiếp.

- Các chủ đầu tư thực hiện chế độ báo cáo định kỳ **trước ngày 05 hàng tháng**, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở chuyên ngành theo dõi ngành, lĩnh vực để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố (Mẫu biểu 01, 02, 03, 04).

8. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công

Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gần trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, để trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Giao Sở Nội vụ tham mưu Thành phố đưa kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 thành một tiêu chí để đánh giá thi đua năm 2024 đối với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã; gắn tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công với đánh giá về vai trò người đứng đầu, các cá nhân có liên quan và công tác thi đua khen thưởng tập thể, cá nhân.

- Giao Kho bạc Nhà nước Hà Nội tổng hợp kết quả giải ngân của các đơn vị gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của người đứng đầu, tập thể, cá nhân các ngành, địa phương, đơn vị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư tại các đơn vị, trong đó tập trung các dự án cấp Thành phố và các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu để thực hiện các chương trình, kế hoạch có mục tiêu của Thành phố; Giao UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các chủ đầu tư các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này và tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) kết quả thực hiện Kế hoạch lồng ghép trong báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trường hợp có phát sinh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, các đơn vị báo cáo kịp thời về UBND Thành phố để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy (*để báo cáo*);
- Thường trực HĐND Thành phố (*để báo cáo*);
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các Chủ đầu tư DA sử dụng ngân sách TP;
- VPUB: CVP, Các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

Phụ lục 1
CÁC DỰ ÁN ĐÃ PHÊ CHỮ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CHƯA PHÊ DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	179		87.744.153	9	4	11	10	40	40	31	1	33	
*	THEO LĨNH VỰC													
-	Lĩnh vực quốc phòng	9		818.000	9									
-	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	5		646.997		4				1				
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	6		1.591.577						6				
-	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	1		52.570						1				
-	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	18		8.019.582					1	7			10	
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	13		2.694.081					1	6			6	
-	Lĩnh vực thể dục, thể thao	3		350.097						3				
-	Lĩnh vực môi trường	6		6.354.858						5		1		
-	Lĩnh vực đề điều	8		2.849.318							8			
-	Lĩnh vực thủy lợi	21		7.842.557							21			
-	Lĩnh vực nông nghiệp	2		388.054							2			
-	Lĩnh vực giao thông	44		51.871.622					38				6	
-	Lĩnh vực Công trình công cộng đô thị	3		886.440						3				
-	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1		60.000						1				
-	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	7		372.949						7				
-	Lĩnh vực HTKT tái định cư	11		1.864.379									11	
-	Lĩnh vực tòa án	11		780.705			11							
-	Lĩnh vực kiểm sát	10		300.367				10						
1	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	9		818.000	9									
2	Công an TP Hà Nội	4		639.178		4								
4	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	30		13.185.009					1	29				
4.1	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1		7.819						1				
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	5205/QĐ-UBND 28/9/2018 (CTĐT)	7.819						1				
4.2	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	4		1.491.020						4				
-	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Việt Triều hữu nghị	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	46.722						1				
-	Xây dựng cơ sở 4 Trường Trung cấp nghề Nấu ăn – Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội (giai đoạn 1) tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	69.460						1				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	980.000						1				
-	Xây dựng Trường chuyên biệt cho trẻ khuyết tật Thành phố Hà Nội (cụm trường Tiểu học Bình Minh và Phổ thông cơ sở Xã Đan)	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	394.838						1				
4.3	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	1		52.570						1				
-	Xây dựng sân giao dịch công nghệ Hà Nội (giai đoạn 2)	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	52.570						1				
4.4	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	7		3.339.570						7				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	789.046						1				

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
-	Xây dựng Trung tâm Pháp Y Hà Nội	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	277.853						1				
-	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa Đống Đa	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	264.655						1				
-	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	76.804						1				
-	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	463.705						1				
-	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Mắt thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	718.969						1				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án Xây dựng Bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2	1	28/NB-HĐND 22/9/2023	748.538						1				
4.5	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2		1.023.000						2				
-	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà tù Hỏa Lò	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	25.000						1				
-	Đầu tư xây dựng cung văn hóa thể thao Thanh niên Hà Nội	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	998.000						1				
4.6	Lĩnh vực thể dục, thể thao	3		350.097						3				
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở tập luyện TDTT 14 Trịnh Hoài Đức	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	63.772						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Nhà tập luyện Taekwondo - Boxing - Cầu lông - Bóng chuyền	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	150.944						1				
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà luyện tập Vật - Cầu mây - Bóng ném - Bóng bàn - Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	135.381						1				
4.7	Lĩnh vực giao thông	1		5.601.544					1					
-	Xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023						1					
	Thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ			5.601.544										
4.8	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1		60.000						1				
-	Xây dựng trụ sở làm việc của Sở Du lịch	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	60.000						1				
4.9	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	7		372.949						7				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	53.636						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	47.213						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	53.085						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	48.408						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần số 2	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	49.119						1				
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	69.811						1				

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở Cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	51.677						1					
4.10	Lĩnh vực tòa án														
4.11	Lĩnh vực Công trình công cộng đô thị	3		886.440						3					
-	Cải tạo, nâng cấp Công viên Thống Nhất	1	28/NB-HĐND 22/9/2023	408.201						1					
-	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ	1	28/NB-HĐND 22/9/2023	329.662						1					
-	Cải tạo, nâng cấp công viên Bách Thảo	1	28/NB-HĐND 22/9/2023	148.577						1					
5	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	5		14.602.927						4				1	
5.1	Lĩnh vực giao thông	5		14.602.927						4				1	
-	Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023; 41/NQ-HĐND 04/12/2023	8.298.117						1					
-	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	1.495.000						1					
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	3.443.976						1					
-	Xây dựng tuyến đường vào cảng Khuyến Lương	1	12/NQ-HĐND 05/12/2018; 41/NQ-HĐND 08/12/2023	397.834										1	
-	Xây dựng hầm chui tại nút giao Cổ Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	968.000						1					
6	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành Phố	10		10.042.520							5	5			
6.1	Lĩnh vực môi trường	5		5.645.329							5				
-	Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo Quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1	39/HĐND-KTNS 23/01/2018	1.489.378							1				
-	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiển Hưng, quận Hà Đông	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	740.000							1				
-	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	501.000							1				
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ - Giai đoạn 1	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	1.476.800							1				
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	1.438.151							1				
6.2	Lĩnh vực thủy lợi	5		4.397.191								5			
-	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	87.112								1			
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	174.000								1			
-	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nâu, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	92.000								1			

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	97.000							1				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1)	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	3.947.079							1				
7	Sở Giao thông vận tải	3		330.073						3					
7.1	Lĩnh vực giao thông	3		330.073						3					
-	Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	315.695						1					
-	Dự án xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Văn Khê (khu vực chung cư Victoria Văn Phú), quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	7.189						1					
-	Dự án xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đỗ Nhuận (khu vực công viên Hòa Bình), quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	7.189						1					
8	Sở NN&PTNT	3		440.642							3				
8.1	Lĩnh vực dê điều	1		52.588							1				
-	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ, thành phố Hà Nội	1	6907/QĐ-UBND 02/12/2019; 5571/QĐ-UBND 01/11/2023	52.588							1				
8.2	Lĩnh vực nông nghiệp	2		388.054							2				
-	Xây dựng mở rộng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	138.054							1				
-	Đầu tư phát triển hạ tầng lâm nghiệp phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	250.000							1				
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	1		709.529								1			
9.1	Lĩnh vực môi trường	1		709.529								1			
-	Đầu tư hệ thống mạng quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	12/NQ-HĐND 05/12/2018	709.529								1			
10	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội	1		70.378						1					
10.1	Lĩnh vực giao thông	1		70.378						1					
-	Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	70.378						1					
12	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	4		1.048.401							4				
12.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	4		1.048.401							4				
-	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại Khu di tích Thành Cổ Loa	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	58.082							1				
-	Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu tại khu di tích Thành Cổ Loa	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	61.308							1				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	792.742							1				
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Nhà trưng bày Hoàng cung Thăng Long	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	136.269							1				
13	Trường cao đẳng điện tử - điện lạnh Hà Nội	1		45.724							1				
13.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		45.724							1				

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Xây dựng nhà học đa năng và nhà xưởng thực hành Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	1	7334/QĐ-UBND 30/12/2015; 03/NQ-HĐND 08/4/2022	45.724						1					
14	Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	1		54.833						1					
14.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		54.833						1					
-	Đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	1	6205/QĐ-UBND 17/11/2015; 03/NQ-HĐND 08/4/2022	54.833						1					
15	Tòa án nhân dân Thành phố	11		780.705				11							
15.1	Lĩnh vực tòa án	11		780.705				11							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng	1	143/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	105.934				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên	1	144/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	64.183				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức	1	152/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	65.216				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai	1	151/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	60.721				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	1	145/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	79.224				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín	1	148/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	58.806				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức	1	147/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	79.854				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ	1	146/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	87.949				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất	1	149/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	63.238				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng	1	150/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	61.882				1							
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ	1	153/QĐ-TANDTC-KHTC- 05/5/2023	53.698				1							
16	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	10		300.367				10							
16.1	Lĩnh vực kiểm sát	10		300.367				10							
-	Cải tạo, mở rộng viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa	1	30/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023	31.569				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	1	29/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023	29.048				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	1	23/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023	32.079				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	16/QĐ-VKSTC ngày 01/3/2023	28.752				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Đan Phượng	1	31/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023	29.297				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Thạch Thất	1	20/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023	28.959				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Mỹ Đức	1	22/QĐ-VKSTC ngày 15/3/2023	32.837				1							

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Quốc Oai	1	33/QĐ-VKSTC ngày 23/3/2023	30.357				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Thanh Oai	1	34/QĐ-VKSTC ngày 23/3/2023	29.297				1							
-	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Sơn Tây	1	71/QĐ-VKSTC 14/8/2023	28.172				1							
17	UBND quận Hà Đông			684.362											
17.1	Lĩnh vực giao thông			684.362											
-	Xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ		14/NQ-HĐND 04/7/2023												
	Thành phần 1.1: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn quận Hà Đông			684.362											
18	UBND quận Hoàng Mai	1		548.774									1		
18.1	Lĩnh vực giao thông	1		548.774									1		
-	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên, quận Hoàng Mai	1	08/NQ-HĐND 08/7/2019; 41/NQ-HĐND 04/12/2023	548.774									1		
20	UBND quận Nam Từ Liêm	1		3.395.748									1		
20.1	Lĩnh vực giao thông	1		3.395.748									1		
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 70 đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	3.395.748									1		
21	UBND quận Tây Hồ	1		561.988									1		
21.1	Lĩnh vực giao thông	1		561.988									1		
-	Xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai - giai đoạn 1, phường Quảng An, quận Tây Hồ	1	04/NQ-HĐND 09/4/2019	561.988									1		
22	UBND quận Bắc Từ Liêm	2		1.029.237									2		
22.1	Lĩnh vực giao thông	2		1.029.237									2		
-	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	811.808									1		
-	Xây dựng tuyến đường từ đường Tây Thăng Long đến đường từ Đại học Mỏ địa chất đi đường Phạm Văn Đồng	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	217.429									1		
23	UBND thị xã Sơn Tây	4		1.466.105					1		3				
23.1	Lĩnh vực đê điều	1		380.000							1				
-	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	380.000							1				
23.2	Lĩnh vực thủy lợi	2		550.000							2				
-	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	420.000							1				
-	Kiên cố hóa tuyến thoát lũ hạ du xả tràn hồ chứa nước Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	130.000							1				
23.3	Lĩnh vực giao thông	1		536.105					1						
-	Dự án xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 21 (tuyến tránh quốc lộ 32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	536.105					1						
24	UBND huyện Đan Phượng	3		796.495					2		1				
24.1	Lĩnh vực đê điều	1		180.801							1				
-	Cải tạo, nâng cấp, hoàn chỉnh mặt cắt đê Tiên Tân đoạn từ K0 đến K7+000, huyện Đan Phượng	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	180.801							1				

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
24.2	Lĩnh vực giao thông	1		111.694					1					
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ dốc Liên Hà đến Quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	1	04/NQ-HĐND 09/4/2019	111.694					1					
24.3	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		504.000					1					
-	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng (giai đoạn 1)	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	504.000					1					
25	UBND huyện Ba Vì	6		4.445.591					3		3			
25.1	Lĩnh vực thủy lợi	3		850.000							3			
-	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới N12 kết hợp làm đường giao thông huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	200.000							1			
-	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sơn Đà và kiên cố hóa hệ thống kênh kết hợp làm đường giao thông, huyện Ba Vì	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	200.000							1			
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng kết hợp làm đường giao thông dân sinh huyện Ba Vì	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	450.000							1			
25.2	Lĩnh vực giao thông	3		3.595.591					3					
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 414 đi vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	346.285					1					
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà	1		2.297.391					1					
+	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 47+500 - Km 53+500), huyện Ba Vì		23/NQ-HĐND 23/9/2021; 14/NQ-HĐND 04/7/2023	1.023.580										
+	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 55+200 - Km 62+500), huyện Ba Vì		23/NQ-HĐND 23/9/2021; 14/NQ-HĐND 04/7/2023	1.273.811										
-	Xây dựng đường tỉnh lộ 412B từ đường dẫn cầu Văn Lang đến đường Quốc lộ 32 - nghĩa trang Yên Kỳ - hồ suối Hai	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	951.915					1					
26	UBND huyện Chương Mỹ	3		1.285.578					1		1		1	
26.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		416.376									1	
-	Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	416.376									1	
26.2	Lĩnh vực dê điều	1		460.000							1			
-	Cải tạo, nâng cấp dê tá Bùi, hữu Đáy, huyện Chương Mỹ	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	460.000							1			
26.4	Lĩnh vực giao thông	1		409.202					1					
-	Cải tạo, nâng cấp đường 419, giai đoạn 2 trên địa bàn huyện Chương Mỹ (đoạn tiếp giáp xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai đến thị trấn Chúc Sơn)	1	30/NQ-HĐND 08/12/2021	409.202					1					
27	UBND huyện Đông Anh	5		8.675.271					1		1		3	
27.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1		298.402									1	
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại khu di tích Thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022; 22/NQ-HĐND 12/9/2022	298.402									1	
	Thành phần 1: Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền			129.206										
	Thành phần 2: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực xung quanh đền thờ Đức vua Ngô Quyền			169.196										
27.3	Lĩnh vực thủy lợi	1		313.000							1			

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	313.000							1				
27.4	Lĩnh vực giao thông	1		7.690.000						1					
-	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua địa phận huyện Đông Anh	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	7.690.000						1					
	Thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB			2.277.000											
	Thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh			5.413.000											
27.4	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2		373.869										2	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	12.124										1	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	361.745										1	
28	UBND huyện Gia Lâm	5		1.528.792						2		2		1	
28.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		644.826										1	
-	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	644.826										1	
28.2	Lĩnh vực thủy lợi	2		157.450								2			
-	Cải tạo, nâng cấp kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	108.090								1			
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Vàng - Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	49.360								1			
28.3	Lĩnh vực giao thông	2		726.516						2					
-	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đề hữu Đường qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến kênh Dải, huyện Gia Lâm	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	219.830						1					
-	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom Quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	506.686						1					
29	UBND huyện Hoài Đức	4		1.139.875						1		2		1	
29.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		799.910										1	
	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	799.910										1	
29.2	Lĩnh vực thủy lợi	2		225.000								2			
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T6 kết hợp làm đường giao thông toàn tuyến (từ trạm bơm Đào Nguyên đến sông Đáy), huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	129.000								1			
-	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5 giai đoạn 2, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	96.000								1			
29.3	Lĩnh vực giao thông	1		114.965						1					
-	Dự án Xây dựng đường giao thông từ đường TL 423 đi qua dự án Xây dựng Trung đoàn 692 đến Chùa Thông xã An Thượng	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	114.965						1					
30	UBND huyện Mê Linh	4		1.575.582								3		1	
30.1	Lĩnh vực đề điều	1		930.000								1			

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định										Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện		
-	Xây dựng đường hành lang chân đê tả hồng đoạn thuộc địa bàn huyện Mê Linh	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	930.000							1				
30.1	Lĩnh vực thủy lợi	2		500.600							2				
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênhThanh Phú kết hợp làm đường giao thông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	368.000							1				
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	132.600							1				
30.2	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		144.982										1	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36m Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	144.982										1	
31	UBND huyện Mỹ Đức	6		1.145.404						4				2	
31.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2		273.957						1				1	
-	Nâng cấp, mở rộng bến đò và suối Tuyết Sơn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	53.957										1	
-	Tuyến đường tránh TL419 đi đền Trình và xây dựng cảnh quan, tuyến phố đi bộ tại bến Yên khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	29/NQ-HĐND 08/12/2022	220.000						1					
31.2	Lĩnh vực giao thông	3		794.547						3					
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn từ Đổ Xá Quan Sơn (ngã 5 Tế Tiêu) đến đập tràn Cầu Dậm, huyện Mỹ Đức	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	223.517						1					
-	Dự án đường trục nối từ đường tỉnh lộ 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	110.628						1					
-	Dự án cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	460.402						1					
31.3	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		76.900										1	
-	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại huyện Mỹ Đức phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	76.900										1	
32	UBND huyện Phú Xuyên	6		1.234.288						2				4	
32.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		340.536										1	
-	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	340.536										1	
32.2	Lĩnh vực giao thông	2		528.078						2					
-	Nâng cấp đường tỉnh 428A đoạn từ cầu Cống Thần đến cầu Giẽ, huyện Phú Xuyên	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 28/NQ-HĐND 22/9/2023	125.778						1					
-	Nâng cấp đường tỉnh 428B (từ ngã ba Hoàng Nguyên đến cầu Lương, xã Minh Tân), huyện Phú Xuyên	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	402.300						1					
32.3	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1		21.500										1	
-	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Trại Diên, xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	21.500										1	

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
32.4	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2		344.174									2	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư ven đường truyền thông, thôn An Khoái, xã Phúc Tiến huyện Phú Xuyên	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	213.092									1	
-	Dự án Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ công tác GPMB các dự án: Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng); xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua huyện Phú Xuyên; đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	131.082									1	
33	UBND huyện Phúc Thọ	4		1.373.970					1		2		1	
33.1	Lĩnh vực đề điều	1		487.928							1			
-	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	30/NQ-HĐND 08/12/2021	487.928							1			
33.2	Lĩnh vực thủy lợi	1		318.408							1			
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	30/NQ-HĐND 08/12/2021	318.408							1			
33.3	Lĩnh vực giao thông	1		363.319					1					
-	Đường nối QL32 với QL 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ	1	08/NQ-HĐND 08/7/2019	363.319					1					
33.4	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		204.315									1	
-	Đầu tư cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	204.315									1	
34	UBND huyện Quốc Oai	4		864.109					1				3	
34.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		186.654									1	
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	186.654									1	
34.2	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2		378.182									2	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	148.483									1	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thị trấn huyện Quốc Oai	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	229.699									1	
34.3	Lĩnh vực giao thông	1		299.273					1					
-	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	299.273					1					
35	UBND huyện Sóc Sơn	4		1.746.186					1		1		2	
35.1	Lĩnh vực đề điều	1		250.219							1			
-	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn từ K0+000 đến K20+252, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	03/NQ-HĐND 08/4/2022	250.219							1			
35.2	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2		13.836									2	
-	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Tân Yên, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	9.642									1	
-	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Xuân Kỳ, xã Đông Xuân	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	4.194									1	
35.2	Lĩnh vực giao thông	1		1.482.131					1					
-	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào đền Sóc) huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	1.482.131					1					

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
36	UBND huyện Thạch Thất	4		2.422.461					3				1	
36.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		780.123									1	
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	22/NQ-HĐND 12/9/2022	780.123									1	
36.3	Lĩnh vực giao thông	3		1.642.338					3					
-	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc-Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14+200 đến Km18+500)	1	30/NQ-HĐND 08/12/2021	715.418					1					
-	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 446 (đoạn Km0+00 – Km10+800) huyện Thạch Thất	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	688.841					1					
-	Dự án Hạ tầng ngoài CNC Hòa Lạc (đường từ đường TL420 – Đường E công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất)	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	238.079					1					
37	UBND huyện Thanh Oai	1		300.000									1	
37.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		300.000									1	
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	300.000									1	
38	UBND huyện Thanh Trì	1		2.639.214									1	
38.2	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		368.655									1	
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trì	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	368.655									1	
38.2	Lĩnh vực giao thông			2.270.559										
-	Xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ		14/NQ-HĐND 04/7/2023											
	Thành phần 1.2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn huyện Thanh Trì			2.270.559										
39	UBND huyện Thường Tín	9		3.272.675					4		3		2	
39.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1		14.985									1	
-	Tu bổ, tôn tạo Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	14.985									1	
39.2	Lĩnh vực đê điều	1		107.782							1			
-	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	107.782							1			
39.3	Lĩnh vực thủy lợi	2		300.908							2			
-	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	77.635							1			
-	Nạo vét, gia cố bờ sông Tô Lịch huyện Thường Tín (khơi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt để tạo cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7Km trên địa bàn huyện Thường Tín)	1	14/NQ-HĐND 06/7/2022	223.273							1			
39.4	Lĩnh vực giao thông	4		2.417.921					4					
-	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín - đoạn từ nút giao đường Vành đai 4 đến đường tỉnh 429 huyện Thường Tín	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	416.517					1					
-	Nâng cấp đường tỉnh lộ 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện Thường Tín đoạn từ cầu Chiềng (km8+500) đến cầu Vượt Dương Trục Nguyễn (km11+566) - ngã ba Ga-cầu Dừa	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	653.486					1					
-	Nâng cấp tuyến đường 429 (từ ngã ba giao cắt tỉnh lộ 429 với quốc lộ 1A cũ tại phố Tía, xã Tô Hiệu đến Km5+200, xã Nghiêm Xuyên, Thường Tín giáp với huyện Phú Xuyên	1	28/NQ-HĐND 22/9/2023	255.111					1					

TT	Danh mục dự án	Số DA	Chủ trương/ Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Cơ quan thẩm định									Ghi chú
			Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng	Cơ quan thuộc Bộ Công an	Cơ quan thuộc TAND Tối cao	Cơ quan thuộc VKS ND Tổ cao	Sở GT VT	Sở XD	Sở NN & PT NT	Sở KH&ĐT	Cấp huyện	
-	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín - đoạn từ nút giao đường vành đai 4 đến đường tỉnh 429 - Giai đoạn 2 (đoạn từ tỉnh lộ 427 đến tỉnh lộ 429)	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	1.092.807					1					
39.5	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		431.079									1	
-	Xây dựng 05 hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300, huyện Thường Tín	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	431.079									1	
40	UBND huyện Ứng Hòa	8		2.544.162					4		1		3	
40.1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1		134.617									1	
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Vân Đình	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	134.617									1	
40.2	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2		115.193									2	
-	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	29.236									1	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21 B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa và Dự án nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phía Nam), huyện Ứng Hòa	1	41/NQ-HĐND 08/12/2023	85.957									1	
40.3	Lĩnh vực thủy lợi	1		230.000							1			
-	Cải tạo, nâng cấp kiên cố kênh hệ thống I2-VĐ7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng hòa	1	07/NQ-HĐND 10/3/2023	230.000							1			
40.4	Lĩnh vực giao thông	4		2.064.352					4					
-	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá, xã Viên An, huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	225.000					1					
-	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	400.058					1					
-	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	1	23/NQ-HĐND 23/9/2021	593.096					1					
-	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa	1	14/NQ-HĐND 04/7/2023	846.198					1					

Phụ lục 2
CÁC DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ CẦN ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỂ ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN BỐ
TRÍ KẾ HOẠCH VỐN THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số (A+B)	81		26.303.544	6.577.064	19.726.480	
*	Theo lĩnh vực						
-	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	7		2.062.634	750.643	1.311.991	
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	5		638.255	155.294	482.961	
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin	3		217.000	104.000	113.000	
-	Lĩnh vực môi trường	8		1.676.741	430.093	1.246.648	
-	Lĩnh vực thủy lợi	2		46.000	38.000	8.000	
-	Lĩnh vực giao thông	53		21.260.914	5.061.564	16.199.350	
-	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2		367.000	16.000	351.000	
-	Lĩnh vực tòa án	1		35.000	21.470	13.530	
1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	9		605.634	243.970	361.664	
1.1	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	5		177.634	163.500	14.134	
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị Phòng cháy và chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội	1	2019-2021	146.000	138.500	7.500	
-	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn công an Quang Trung, huyện Thạch Thất thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2020-2022	6.525	6.500	25	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn công an Dân Hòa, huyện Thanh Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2020-2022	7.511	7.500	11	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Yên Sở, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2019-2022	11.098	11.000	98	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	2018-2019	6.500		6.500	
1.2	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2		63.000	59.000	4.000	
-	Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh	1	2019-2023	40.000	37.000	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non B, quận Hoàn Kiếm	1	2020-2022	23.000	22.000	1.000	
1.3	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		330.000		330.000	
-	Xây dựng nhà tái định cư tại phường Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội (khối nhà A,D)	1	2011-2023	330.000		330.000	
1.4	Lĩnh vực tòa án	1		35.000	21.470	13.530	
-	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông	1	2019-2023	35.000	21.470	13.530	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
2	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	24		3.424.333	2.738.750	685.583	
2.1	Lĩnh vực giao thông	24		3.424.333	2.738.750	685.583	
-	Dự án Phát triển GTĐT Hà Nội (WB)	1	2007-2016	10.025	25	10.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	1	2019-2021	65.000	60.000	5.000	
-	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	2007-2020	8.908	908	8.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)	1	2018-II/2022	8.000	5.000	3.000	
-	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	1	2015-2022	20.000	4.000	16.000	
-	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	1	2018-II/2023	120.000	102.000	18.000	
-	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1	2018-2023	70.000	42.842	27.158	
-	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427, huyện Thường Tín	1	2018-2022	25.000	23.000	2.000	
-	Dự án xây dựng cầu Trí Thủy, huyện Chương Mỹ	1	2019 - II/2022	9.000	8.500	500	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Dự án xây dựng cầu Cao Thiên, huyện Thạch Thất	1	2019 - 2023	30.000	29.200	800	
-	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1	2020-2023	1.900.000	1.753.875	146.125	
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO (giai đoạn 1)	1	2007-2023	66.500	25.000	41.500	
-	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên	1	2013-2023	94.000	4.000	90.000	
-	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn	1	2019-2023	470.000	348.500	121.500	
-	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch	1	2018-2023	50.000	7.000	43.000	
-	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế.	1	2010-2023	90.000	53.000	37.000	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bài, huyện Ba Vì	1	2022-2023	10.000	6.500	3.500	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bài Văn, huyện Ba Vì	1	2021-2023	32.000	13.000	19.000	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Chằm Mè, huyện Ba Vì	1	2022-2023	26.000	10.000	16.000	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ	1	2022-2023	13.500	11.000	2.500	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Kim, huyện Ba Vì	1	2022-2023	33.000	12.500	20.500	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lộc Hà Km3+350 Quốc Lộ 3, tại Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	1	2022-2023	36.000	27.000	9.000	
-	Dự án đầu tư xây dựng cầu Và, huyện Ba Vì	1	2021-2023	32.000	13.000	19.000	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
-	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long (Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT)	1	2016-2022	205.400	178.900	26.500	
3	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và NN Thành Phố	4		470.741	141.796	328.945	
3.1	Lĩnh vực môi trường	4		470.741	141.796	328.945	
-	Dự án Thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II	1	2005-2014	18.741	796	17.945	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng khu LHXLCST Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	2012-2023	250.000	141.000	109.000	
-	Cải tạo, công hóa nương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)	1	2016-2020	2.000		2.000	
-	Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo Quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1	2018-2020	200.000		200.000	
4	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	2		14.980.681	985.261	13.995.420	
4.1	Lĩnh vực giao thông	2		14.980.681	985.261	13.995.420	
-	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1	2016-2022	51.450	49.669	1.781	
-	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	2009-2022	14.929.231	935.592	13.993.639	Đang trình TW phê duyệt điều chỉnh CTĐT
5	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội	2		70.000		70.000	
5.1	Lĩnh vực giao thông	2		70.000		70.000	
-	Đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga tại các nhà ga trên tuyến Đường sắt đô thị Hà Nội	1	2022-2023	7.000		7.000	
-	Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1	2022-2023	63.000		63.000	
6	Công ty TNHH MTV thoát nước Hà Nội						
6.1	Lĩnh vực môi trường						
7	Cục Hậu Cần (Bộ Công An)	2		1.885.000	587.143	1.297.857	
7.1	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2		1.885.000	587.143	1.297.857	
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Trụ sở Bộ công an số 44 Yên Kiêu, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	1	2023 (GD1)	1.885.000	542.368	1.297.857	NSTP 50% kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng cho dự án GD1
-	Công trình trọng điểm 2021-2025: Mở rộng trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	1	2023 (GD1)		44.775		NSTP 50% kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng cho dự án GD1
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	1		800.000	160.297	639.703	
8.1	Lĩnh vực Môi trường	1		800.000	160.297	639.703	
-	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1	2015-2022	800.000	160.297	639.703	
9	Sở Xây dựng	1		66.000	58.000	8.000	
9.1	Lĩnh vực môi trường	1		66.000	58.000	8.000	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
-	Xây dựng theo lệnh khẩn cấp danh mục công trình: Phục vụ nâng công suất tiếp nhận rác tại Khu LHXLCCT Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	1	2022-2023	66.000	58.000	8.000	Dự án có tính khẩn cấp
10	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	2		175.000	104.000	71.000	
10.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin	2		175.000	104.000	71.000	
-	Chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long	1	2019-2023	170.000	104.000	66.000	
-	Dự án Bảo tồn nhà Cục tác chiến và từng bước hoàn trả không gian Điện Kính Thiên	1	2017-2019	5.000		5.000	
11	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	1		275.049	35.690	239.359	
11.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		275.049	35.690	239.359	
-	Dự án thành phần 4 - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản	1	2020-2022	275.049	35.690	239.359	
12	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	1		258.106	33.504	224.602	
12.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		258.106	33.504	224.602	
-	Dự án thành phần 5 - Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản	1	2019-2022	258.106	33.504	224.602	
13	Trường Đại học Lê Duẩn	1		42.100	27.100	15.000	
13.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1		42.100	27.100	15.000	
-	Cải tạo, xây dựng Trường cán bộ Đại học Lê Duẩn giai đoạn 2	1	2010-2023	42.100	27.100	15.000	
14	UBND quận Bắc Từ Liêm	2		91.000	50.000	41.000	
14.1	Lĩnh vực giao thông	2		91.000	50.000	41.000	
-	Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm	1	2021-2023	70.000	44.000	26.000	
-	Xây dựng tuyến đường từ trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng	1	2006-2022	21.000	6.000	15.000	
15	UBND quận Cầu Giấy	2		243.500	82.879	160.621	
15.1	Lĩnh vực giao thông	2		243.500	82.879	160.621	
-	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1	2018-2023	43.500	23.499	20.001	
-	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến Khu đô thị mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1	2016-2023	200.000	59.380	140.620	Nguồn vốn thực hiện dự án từ thu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Cầu Giấy
16	UBND quận Hà Đông	1		10.000		10.000	
16.1	Lĩnh vực giao thông	1		10.000		10.000	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
-	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông	1	2018-2020	10.000		10.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
17	UBND quận Hoàng Mai	2		275.000	16.000	259.000	
17.1	Lĩnh vực giao thông	2		275.000	16.000	259.000	
-	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 đoạn phía Bắc Khu công nghiệp Vĩnh Tuy, quận Hoàng Mai	1	2013-2023	75.000	16.000	59.000	NS quận Hoàng Mai phần GPMB
-	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên, quận Hoàng Mai	1	2019-2021	200.000		200.000	
18	UBND thị xã Sơn Tây	2		93.900	67.900	26.000	
18.1	Lĩnh vực giao thông	1		56.900	51.900	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vị (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây	1	2012-2023	56.900	51.900	5.000	
18.2	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1		37.000	16.000	21.000	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	1	2016-2023	37.000	16.000	21.000	
19	UBND huyện Đan Phượng	1		85.000		85.000	
19.1	Lĩnh vực giao thông	1		85.000		85.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ dốc Liên Hà đến Quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	1	2019-2021	85.000		85.000	
20	UBND huyện Ba Vì	3		586.500	195.000	391.500	
20.1	Lĩnh vực môi trường	1		320.000	70.000	250.000	
-	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m) của Bãi chôn lấp rác thải huyện Ba Vì (5,6ha) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly	1	2021-2023	320.000	70.000	250.000	
20.2	Lĩnh vực giao thông	2		266.500	125.000	141.500	
-	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì (Giai đoạn 1)	1	2018-2021	16.500		16.500	
-	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì	1	2021-2023	250.000	125.000	125.000	
21	UBND huyện Chương Mỹ	2		170.000	112.000	58.000	
21.1	Lĩnh vực môi trường	1		20.000		20.000	
-	Đầu tư xây dựng tuyến đường vào Khu xử lý chất thải tập trung của Thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ.	1	2015-2019	20.000		20.000	
21.2	Lĩnh vực giao thông	1		150.000	112.000	38.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ	1	2018-2023	150.000	112.000	38.000	
22	UBND huyện Gia Lâm	4		504.000	249.400	254.600	
22.1	Lĩnh vực giao thông	4		504.000	249.400	254.600	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
-	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Dốc Hội - Đại học nông nghiệp 1	1	2009-2017	12.000		12.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Dự án xây dựng tuyến đường 30m đầu nối khu vực dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tới đường Nguyễn Đức Thuận	1	2018-2019	2.000		2.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
-	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đồng, huyện Gia Lâm	1	2018-2023	270.000	156.000	114.000	Cơ chế theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019
-	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	2017-2023	220.000	93.400	126.600	
23	UBND huyện Mỹ Đức	2		112.000	40.000	72.000	
23.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin	1		42.000		42.000	
-	Nâng cấp, mở rộng bến đò và suối Tuyết Sơn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	1	2021-2023	42.000		42.000	
23.2	Lĩnh vực giao thông	1		70.000	40.000	30.000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thá đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức	1	2018-2022	70.000	40.000	30.000	
24	UBND huyện Phú Xuyên	3		408.000	337.374	70.626	
24.1	Lĩnh vực giao thông	3		408.000	337.374	70.626	
-	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)	1	2019-2022	148.000	130.000	18.000	
-	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên	1	2019-2023	65.000	55.000	10.000	
-	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng)	1	2019-2023	195.000	152.374	42.626	
25	UBND huyện Phúc Thọ	1		246.000		246.000	
25.1	Lĩnh vực giao thông	1		246.000		246.000	
-	Đường nối QL32 với QL 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ	1	2020-2022	246.000		246.000	
26	UBND quận Tây Hồ	1		100.000	70.000	30.000	
26.1	Lĩnh vực giao thông	1		100.000	70.000	30.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Diệu, phường Quảng An, quận Tây Hồ	1	2017-2023	100.000	70.000	30.000	
27	UBND huyện Thạch Thất	1		123.000	78.000	45.000	
27.1	Lĩnh vực giao thông	1		123.000	78.000	45.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan), huyện Thạch Thất	1	2019-2023	123.000	78.000	45.000	NS Huyện đầu tư phần GPMB (126,897 tỷ đồng); NSTP đầu tư phần còn lại
28	UBND huyện Thanh Trì	1		12.000		12.000	
28.1	Lĩnh vực giao thông	1		12.000		12.000	
-	Dự án xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc theo mương Hòa Bình, huyện Thanh Trì	1	2010-2019	12.000		12.000	Dự án có kinh phí GPMB tồn đọng
29	UBND huyện Ứng Hòa	1		41.000	38.000	3.000	
33.2	Lĩnh vực thủy lợi	1		41.000	38.000	3.000	

TT	Chủ đầu tư	Số dự án	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	KHV đã bố trí giai đoạn 2021-2023	KHV trung hạn còn phải bố trí	Ghi chú
-	Nạo vét, cứng hoá bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà	1	2011-2022	41.000	38.000	3.000	
30	UBND huyện Mê Linh	1		5.000		5.000	
30.1	Lĩnh vực thủy lợi	1		5.000		5.000	
-	Nạo vét kênh Đầm Và xã Tiền Phong, huyện Mê Linh	1	2013-2018	5.000		5.000	
31	UBND quận Đống Đa	1		145.000	125.000	20.000	
31.1	Lĩnh vực giao thông	1		145.000	125.000	20.000	
-	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Láng Thượng, quận Đống Đa	1	2018-2022	145.000	125.000	20.000	

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 TRÊN 100 TỶ ĐỒNG CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư		KHV năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	35			202.895.437	21.356.954	9.427.240		
a	Các dự án chuyển tiếp	33			199.853.382	21.206.954	9.427.240		
b	Dự án mới năm 2024	2			3.042.055	150.000			
	Trong đó:								
-	Các công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025	12			156.335.881	15.868.954	9.427.240		
-	Các dự án khác có KHV được giao đầu năm 2024 lớn hơn 100 tỷ đồng	23			46.559.556	5.488.000			
I	Lĩnh vực quốc phòng	1			760.000	150.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	1			760.000	150.000			
1	Doanh trại Trung đoàn 692/sư đoàn BB301/ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1	2022-2025	4369/QĐ-BQP 06/12/2021 (CTĐT); 3434/QĐ-BQP 09/9/2022	760.000	150.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	
II	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2			963.203	285.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			963.203	285.000			
1	Đầu tư xây dựng mới các trụ nước chữa cháy và hồ thu nước trên địa bàn Thành phố	1	2023-2025	04/NQ-HĐND 09/4/2019; 29/NQ-HĐND 08/12/2022; 2127/QĐ-UBND 12/4/2023	164.203	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
2	Nhà hát Hồ Gươm (Bộ Công an)	1	2021-2025	2577/QĐ-BCA-H01 16/4/2021; 7514/QĐ-BCA-H02 17/9/2021	799.000	185.000		Cục Hậu cần -Bộ Công an	
III	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	2			1.574.228	555.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			1.574.228	555.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn 1	1	2021-2024	4908/QĐ-UBND 30/9/2015; 5049/QĐ-UBND 30/11/2021	784.433	345.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
2	Nâng cấp bệnh viện Ung Bướu Hà Nội - bệnh viện mũi nhọn về chuẩn đoán và điều trị ung thư	1	2023-2027	3317/QĐ-UBND 22/6/2023	789.795	210.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
IV	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2			2.148.449	255.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			2.148.449	255.000			
1	Xây dựng Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)	1	2016-III/2024	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 1207/QĐ-UBND 25/3/2020, 4135/QĐ-UBND 16/9/2020; 5041/QĐ-UBND 19/12/2022	771.984	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
2	Công trình trọng điểm 2021 - 2025: Xây dựng cung Thiếu nhi Hà Nội	1	2020-2024	4493/QĐ-UBND 29/8/2014; 4608/QĐ-UBND 14/10/2020	1.376.465	155.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
V	Lĩnh vực môi trường	2			19.763.444	1.683.291	983.291		
a	Các dự án chuyển tiếp	2			19.763.444	1.683.291	983.291		

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư		KHV năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	2013-2025	7051/QĐ-UBND 20/11/2013; 7574/QĐ-UBND 31/10/2017; 4855/QĐ-UBND 05/12/2022	16.293.444	1.083.291	983.291	Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
	Vốn nước ngoài (ODA)				13.709.042	983.291	983.291		
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)								
	Vốn trong nước				2.584.402	100.000			
2	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh	1	2021-2024	2354/QĐ-UBND 21/4/2023	3.470.000	600.000		UBND huyện Sóc Sơn	
VI	Lĩnh vực đề điều	3			1.266.357	300.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			788.357	200.000			
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ thị trấn Phú Minh đến xã Quang Lãng), huyện Phú Xuyên	1	2023-2026	4548/QĐ-UBND 18/11/2022	383.080	100.000		UBND huyện Phú Xuyên	
2	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực cửa sông Đuống thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1	1	2022-2025	3360/QĐ-UBND 27/6/2023	405.277	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
b	Dự án mới năm 2024	1			478.000	100.000			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	5835/QĐ-UBND 15/11/2023	478.000	100.000		UBND huyện Đông Anh	
VII	Lĩnh vực thủy lợi	2			8.976.617	493.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			8.976.617	493.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1	2013-30/6/2024	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021; 05/QĐ-UBND 03/01/2023; 5974/QĐ-UBND 22/11/2023	4.722.852	313.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	1	2011-2024	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1431/QĐ-UBND 27/4/2022; 2184/QĐ-UBND 12/4/2023; 5980/QĐ-UBND 22/11/2023	4.253.765	180.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VIII	Lĩnh vực giao thông	16			163.812.817	16.866.663	8.443.949		
a	Các dự án chuyển tiếp	15			161.248.762	16.816.663	8.443.949		
1	Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	1	2022-2025	5804/QĐ-UBND 26/10/2018; 1949/QĐ-UBND 09/6/2022	778.393	120.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
2	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1	1	2018-2024	5757/QĐ-UBND 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND 21/3/2019; 1742/QĐ-UBND 14/4/2021	7.210.958	1.770.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
3	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cồ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm	1	2020-2024	4141/QĐ-UBND 16/9/2020; 4570/QĐ-UBND 21/11/2022	570.974	322.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư		KHV năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	1	2022-2025	1803/QĐ-UBND 30/5/2022	3.241.547	350.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
5	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	1	2021-2025	2718/QĐ-UBND 24/6/2021	651.987	200.000		UBND huyện Ứng Hòa	
6	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh	1	2023-2025	2828/QĐ-UBND 22/5/2023	723.158	130.000		UBND huyện Mê Linh	
7	Xây dựng tuyến đường Tiền Phong - Tự lập, huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	1	2022-2024	4817/QĐ-UBND 01/12/2022	790.830	130.000		UBND huyện Mê Linh	
8	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	2022-2026	4563/QĐ-UBND 19/11/2022	2.384.242	700.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
9	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	1	2023-2025	2677/QĐ-UBND 12/5/2023	372.830	100.000		UBND huyện Thạch Thất	
10	Công trình trọng điểm 2021-2025: Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	2017-2024	5995/QĐ-UBND 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND 23/10/2019; 05/QĐ-UBND 04/01/2022	1.494.473	20.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	
11	Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1	2022-2028	56/2022/QH15 16/6/2022	75.286.000	7.260.890	6.200.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
10.1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận thành phố Hà Nội		2022-2024	1012/QĐ-UBND 16/02/2023	13.362.000	2.420.890	2.010.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
	- Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông					200.000	200.000	Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông Thành phố	
	- Quận Hà Đông					300.000	200.000	UBND quận Hà Đông	
	- Huyện Sóc Sơn					20.000	20.000	UBND huyện Sóc Sơn	
	- Huyện Mê Linh					750.000	700.000	UBND huyện Mê Linh	
	- Huyện Đan Phượng					200.000	200.000	UBND huyện Đan Phượng	
	- Huyện Hoài Đức					550.890	290.000	UBND huyện Hoài Đức	
	- Huyện Thanh Oai					100.000	100.000	UBND huyện Thanh Oai	
	- Huyện Thường Tín					300.000	300.000	UBND huyện Thường Tín	
10.2	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội		2022-2027	1072/QĐ-UBND 20/02/2023	5.388.000	650.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
10.2	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư		2022-2027		56.536.000				Dự án sẽ được bố trí vốn chính thức khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí 4.190 tỷ đồng.

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư		KHV năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	1	2022-2027	969/QĐ-UBND 18/3/2022; 28/NQ-HĐND 22/9/2023	8.112.967	800.000	450.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
11.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Hà Đông		2022-2026		3.886.225	150.000			
11.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Chương Mỹ		2022-2026		2.688.524	150.000			
11.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai		2022-2027		3.016.074	500.000	450.000		
12	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	2022-2026	2114/QĐ-UBND 21/6/2022	5.249.353	1.265.840	456.340	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
13	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1	2009-2027	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 2186/QĐ-TTg 05/12/2014; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019; 588/QĐ-TTG 30/5/2023; 3785/QĐ-UBND 25/7/2023	34.826.050	3.525.933	1.337.609	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)				13.158.810	1.337.609	1.337.609		
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)				11.623.230	1.548.324			
	Vốn trong nước				10.044.010	640.000			
14	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1	2009-2022	2054/QĐ-UBND 13/11/2008; 3211/QĐ-UBND 26/6/2009	19.555.000	122.000		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)								
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)								
	Vốn trong nước					122.000			
	- Giao Ban QLĐS đô thị Hà Nội					87.000			
	- Giao UBND quận Bắc Từ Liêm (đối với hạng mục GPMB và xây dựng hạng mục hàng rào tạm khu Depo và đường dẫn vào Depo)					35.000			
b	Dự án mới năm 2024	1			2.564.055	50.000			
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	2023-2026		2.564.055	50.000			
1.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Ứng Hoà		2022-2025		289.362				
1.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Mỹ Đức		2022-2025		194.208				
1.3	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa		2023-2025	5730/QĐ-UBND 09/11/2023	2.080.356	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
IX	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2			1.729.138	270.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			1.729.138	270.000			
1	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh, Hà Nội	1	2019-2024	6120/QĐ-UBND 31/10/2019; 2946/QĐ-UBND 18/8/2022	817.629	120.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	

TT	Danh mục dự án	Số DA	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư		KHV năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, Hà Nội	1	2018-2024	6000/QĐ-UBND 31/10/2018; 3055/QĐ-UBND 09/7/2020; 4568/QĐ-UBND 21/11/2022	911.509	150.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	
X	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1			659.358	168.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	1			659.358	168.000			
1	Khu liên cơ quan Văn Hồ	1	2018-2024	1547/QĐ-UBND 01/4/2019; 584/QĐ-UBND 29/01/2021; 4178/QĐ-UBND 01/11/2022; 4307/QĐ-UBND 29/8/2023	659.358	168.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	
XI	Lĩnh vực HTKT tái định cư	2			1.241.826	331.000			
a	Các dự án chuyển tiếp	2			1.241.826	331.000			
1	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì	1	2019-2024	4112/QĐ-UBND 31/7/2019; 2834/QĐ-UBND 29/6/2020	524.426	131.000		UBND huyện Thanh Trì	
2	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn Khu Đồng Chằm, Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn Ba La - Xuân Mai	1	2023-2025	2886/QĐ-UBND 24/5/2023	717.400	200.000		UBND huyện Chương Mỹ	

Mẫu biểu 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2024 CỦA(TÊN ĐƠN VỊ).....

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án (theo thứ tự, lĩnh vực dự án đúng biểu giao kế hoạch đầu năm tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn		Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo					Các vướng mắc, khó khăn tại thời điểm báo cáo												Diễn giải các khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Trong đó: GPMB	Kế hoạch vốn năm 2023 (nếu có)	Kế hoạch vốn năm 2024	Đã hoàn thành phê duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đã hoàn thành phê duyệt thiết kế - dự toán	Đã hoàn thành đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công	Đã khởi công	Đã hoàn thành	Tổng số	Vướng mắc về GPMB			Về tái định cư		Vướng về biến động giá nguyên vật liệu	Về thanh lý tài sản	Chỉ giới đường đỏ	Đặc thù đối với các dự án ODA	Điều chỉnh ĐA	Khó khăn khác			
														Vướng về nguồn gốc đất	Vướng giá đền bù	Người dân không đồng thuận	Thiếu quỹ nhà tái định cư	Thiếu quỹ đất tái định cư									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng số																										
A	Dự án XDCB tập trung cấp Thành phố																										
I	Lĩnh vực....																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
B	Dự án thực hiện từ nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức																										
I	Lĩnh vực....																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
C	Dự án theo cơ chế đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất																										
I	Lĩnh vực....																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										

Ghi chú:

- Các chủ đầu tư báo cáo chi tiết từng dự án theo biểu mẫu trên;
- Đối với nội dung "Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo" từ cột 9 đến cột 13: Điền số 1 nếu đã hoàn thành; và "Các vướng mắc, khó khăn", từ cột 14 đến cột 25: Điền số 1 nếu có khó khăn, vướng mắc.
- Cột số 26 ghi rõ chi tiết các khó khăn, vướng mắc tại các cột 15-25 (nếu có);
- Cột số 27 nêu đề xuất, kiến nghị biện pháp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Mẫu biểu 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CHƯA PHÊ DỰ ÁN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025	Tình hình triển khai thực hiện đến thời điểm báo cáo			Ghi chú
			Nghị quyết (Số, ngày, tháng)	Tổng mức đầu tư		Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo	Khó khăn, vướng mắc	Đề xuất kiến nghị giải quyết	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Dự án								

Mẫu biểu 3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CẤP HUYỆN NĂM 2024
CỦA(TÊN HUYỆN, THỊ XÃ).....

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án (theo thứ tự, lĩnh vực dự án đúng biểu giao kế hoạch đầu năm tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn		Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo					Các vướng mắc, khó khăn tại thời điểm báo cáo												Diễn giải các khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Trong đó: GPMB	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài (nếu có)	Kế hoạch vốn năm 2024	Đã hoàn thành phê duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đã hoàn thành phê duyet thiết kế - dự toán	Đã hoàn thành đầu thầu lựa chọn nhà thầu thi công	Đã hoàn thành	Tổng số	Vướng mắc về GPMB			Về tái định cư		Vướng về biến động giá nguyên vật liệu	Về thanh lý tài sản	Chỉ giới đường đỏ	Đặc thù đối với các dự án ODA	Điều chỉnh DA	Khó khăn khác				
													Vướng về nguồn gốc đất	Vướng giá đền bù	Người dân không đồng thuận	Thiếu quỹ nhà tái định cư	Thiếu quỹ đất tái định cư										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng số																										
I	Bổ trí thực hiện dự án thuộc CTMT quốc gia																										
I.1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới																										
I.1.1	Lĩnh vực....																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
I.1.2	Lĩnh vực....																										
I.2	CTMT quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc miền núi																										
I.2.1	Lĩnh vực....																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
I.2.2	Lĩnh vực....																										
II	Dự án sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu cho cấp Huyện																										

STT	Danh mục dự án (theo thứ tự, lĩnh vực dự án đúng biểu giao kế hoạch đầu năm tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn		Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo					Các vướng mắc, khó khăn tại thời điểm báo cáo											Diễn giải các khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Trong đó: GPMB	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài (nếu có)	Kế hoạch vốn năm 2024	Đã hoàn thành phê duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đã hoàn thành phê duyet kế thiết kế - dự toán	Đã hoàn thành đầu lựa chọn nhà thầu thi công	Đã hoàn thành	Tổng số	Vướng mắc về GPMB			Về tái định cư		Vướng về biến động giá nguyên vật liệu	Về thanh lý tài sản	Chi giới đường đỏ	Đặc thù đối với các dự án ODA	Điều chỉnh DA	Khó khăn khác				
													Vướng về nguồn gốc đất	Vướng giá đền bù	Người dân không đồng thuận	Thiếu quỹ nhà tái định cư	Thiếu quỹ đất tái định cư										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
II.1	Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường học công lập đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu bổ, tôn tạo di tích																										
II.1.1	Hỗ trợ xây dựng, cải tạo trường THPT theo phân cấp																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
II.1.2	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn (mầm non, tiểu học, THCS)																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
II.1.3	Hỗ trợ xây dựng nâng cấp tuyến y tế cơ sở																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
II.1.4	Hỗ trợ tu bổ, bảo tồn di tích																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										

STT	Danh mục dự án (theo thứ tự, lĩnh vực dự án đăng biểu giao kế hoạch đầu năm tại Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn		Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo					Các vướng mắc, khó khăn tại thời điểm báo cáo												Diễn giải các khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư đã duyệt	Trong đó: GPMB	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài (nếu có)	Kế hoạch vốn năm 2024	Đã hoàn thành phê duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đã hoàn thành phê duyet thiết kế - dự toán	Đã hoàn thành đầu lựa chọn nhà thầu thi công	Đã hoàn thành	Tổng số	Vướng mắc về GPMB			Về tái định cư		Vướng về biến động giá nguyên vật liệu	Về thanh lý tài sản	Chi giới đường đỏ	Đặc thù đối với các dự án ODA	Điều chỉnh DA	Khó khăn khác				
													Vướng về nguồn gốc đất	Vướng giá đền bù	Người dân không đồng thuận	Thiếu quỹ nhà tái định cư	Thiếu quỹ đất tái định cư										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
II.2	Hỗ trợ các dự án xử lý nước thải làng nghề; hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phốosl các dự án hạ tầng kinh tế, nhà văn hóa thôn																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
II.3	Hỗ trợ xây dựng Ban chỉ huy quân sự cấp xã																										
*	Dự án chuyển tiếp																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										
*	Dự án mới																										
1	Dự án...																										
2	Dự án...																										

Ghi chú:

- Các chủ đầu tư báo cáo chi tiết từng dự án theo biểu mẫu trên;
- Đối với nội dung "Tiến độ triển khai dự án đến thời điểm báo cáo" từ cột 9 đến cột 13: Điền số 1 nếu đã hoàn thành; và "Các vướng mắc, khó khăn", từ cột 14 đến cột 25: Điền số 1 nếu có khó khăn, vướng mắc.
- Cột số 26 ghi rõ chi tiết các khó khăn, vướng mắc tại các cột 15-25 (nếu có);
- Cột số 27 nêu đề xuất, kiến nghị biện pháp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Mẫu biểu 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (NGOÀI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ) NĂM 2024 CỦA(TÊN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ).....

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Quận, huyện, thị xã	Tổng số dự án	Kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện năm 2024					Khó khăn, vướng mắc (Phân loại rõ số lượng dự án còn khó khăn, vướng mắc theo từng nhóm vấn đề)	Đề xuất, kiến nghị	Ghi chú
			Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài (nếu có)	Kế hoạch năm 2024 cấp huyện giao						
				Kế hoạch vốn theo Quyết định giao của UBND cấp huyện	Số liệu theo dõi của Kho bạc Nhà nước Hà Nội	Chênh lệch (giữa Kho bạc và cấp Huyện)	Lý do chênh lệch; Phương án xử lý chênh lệch			
1	2	3	4	5	6	7=6-5	8	9	10	11
	Tên quận, huyện, thị xã									
-	Tổng số dự án chuyển tiếp									
-	Tổng số dự án mới									

Ghi chú:

- Đối với phần ngân sách cấp huyện năm 2024, đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã cập nhật khi điều chỉnh kế hoạch vốn;
- Cột 11 "ghi chú": Ngoài các nội dung cần lưu ý, đề nghị ghi thêm NQ hoặc QĐ phê duyệt kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài